

Đề bài

Phân tích giá trị lịch sử của

Tuyên ngôn

Độc lập

Nêu một vài cảm nhận của anh (chị) về phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Hồ Chí Minh qua bản Tuyên ngôn.

Bài làm

Ra đời trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai vừa kết thúc, các nước Đồng minh đang tranh giành ảnh hưởng, đòi chia quyền kiểm soát những vùng bọn phát xít từng chiếm đóng, bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ nói với nhân dân Việt Nam mà còn nói với tất cả thế giới, không chỉ tuyên bố độc lập mà còn mở đầu cho một cuộc đấu tranh, không chỉ đấu tranh với thực dân Pháp mà còn đấu tranh với bọn đế quốc, thực dân, phát xít. Sau khi khéo léo và kiên quyết xác lập cơ sở pháp lí và cơ sở thực tế với lập luận chặt chẽ đầy thuyết phục, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời tuyên bố về quyền độc lập dân tộc và bày tỏ quyết tâm bảo vệ quyền độc lập ấy.

Ngay trong những ngày Cách mạng tháng Tám sôi nổi, hào hùng, toàn dân náo nức trong chiến thắng, Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã nhận thấy vận mệnh nước ta đang “ngàn cân treo sợi tóc”. Trong nước, bọn phản động tìm cách ngóc đầu dậy đòi lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ. Trên thế giới, bọn đế quốc đang lăm le tiến vào Việt Nam. Hội nghị Pôt-xđam (7-1945) quyết định: Anh vào giải giáp quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào; Tưởng Giới Thạch từ vĩ tuyến 16 trở ra. Để chuẩn bị cho âm mưu tái chiếm Việt Nam, thực dân Pháp tung ra trước dư luận thế giới luận điệu xảo trá: Đông Dương là thuộc địa của Pháp, Pháp có công khai hóa xứ này đương nhiên có quyền trở lại. Chính tướng Đờ-gôn đã tuyên bố sẽ tổ chức Đông Dương thành liên bang gồm “5 nước ngự trị” (Lào – Campuchia – Nam Kì – Trung Kì – Bắc Kì). Tất cả được đặt dưới sự chỉ đạo của toàn quyền.

Bản tuyên ngôn ra đời trong hoàn cảnh đó. Cho nên Hồ Chí Minh không chỉ khẳng định quyền độc lập của nước Việt Nam mới mà còn viết một bản luận chiến sắc sảo bác bỏ và đập tan luận điệu của thực dân Pháp, đánh đòn phủ đầu vào âm mưu tái chiếm Việt Nam của Pháp và âm mưu can thiệp vào Việt Nam của các nước đế quốc khác, tranh thủ sự đồng tình rộng rãi của dư luận quốc tế.

Phần đầu của bản tuyên ngôn, bằng những lí lẽ, lập luận chặt chẽ, sắc sảo, vừa khéo léo vừa kiên quyết, Hồ Chí Minh đã triệt để phủ nhận quyền dính líu tới Việt Nam của Pháp. Đó chính là cơ sở pháp lí và cơ sở thực tế của lời tuyên ngôn (xem bài tham khảo số 1).

Mở đầu phần tuyên ngôn, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định nền độc lập của dân tộc Việt Nam bằng ba câu văn hết sức ngắn gọn nhưng ý nghĩa vô cùng sâu sắc: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa”. Câu 1 xác nhận sự hết thời của thực dân,

phát xít và phong kiến. Câu 2 khẳng định nền độc lập dân tộc. Câu 3 khẳng định chính thể mới. Ba câu văn ngắn gọn, cô đọng, hàm súc gợi mở nhiều lớp nghĩa. Đặc biệt câu thứ nhất, câu văn chỉ có 7 từ mà gần như gói trọn lịch sử 100 năm chống Pháp của dân tộc, khái quát những sự kiện lịch sử trọng yếu, gợi được tâm cỡ vĩ đại của cuộc Cách mạng tháng Tám. Sự thật lịch sử được gọi lên với không khí sử thi hoành tráng, không khí vùng lên quật khởi của dân tộc và sự thảm bại của bọn xâm lược cùng bọn tay sai bán nước. Cùng một lúc, Cách mạng tháng Tám đã giải quyết cả hai nhiệm vụ: độc lập dân tộc và dân chủ, đưa nước Việt Nam bước vào kỉ nguyên mới.

Từ thực tế lịch sử đó, bản tuyên ngôn đi đến tuyên bố lập trường của nước Việt Nam mới: “Chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu của toàn dân Việt Nam...” Lời tuyên bố vang lên đõng dạc, tự hào, xác định tư thế độc lập, tự chủ, xác định chủ quyền đất nước.

Tiếp đó là lời tuyên bố với thực dân Pháp. Lời tuyên bố vừa đầy đủ, toàn diện vừa chặt chẽ, dứt khoát: “tuyên bố thoát li hẳn quan hệ với Pháp, xóa bỏ hết các hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam”. Lời tuyên bố kiên quyết và dứt khoát, âm hưởng câu văn đõng dạc, hùng hồn. Hồ Chí Minh đã bác bỏ toàn bộ luận điệu xảo quyệt của Pháp trước dư luận thế giới. Hoàn cảnh lịch sử lúc đó có thể có người nghĩ rằng Việt Nam là thuộc địa của Pháp bị phát xít Nhật chiếm, nay Nhật hàng, Pháp có quyền trở lại. Điều tuyên bố quan trọng nhất là tuyên bố về quan hệ với Pháp, xóa bỏ mọi hiệp ước mà Pháp đã kí về Việt Nam. Người viết dùng chữ “về” chứ không phải chữ “vớ”. Kí “về” Việt Nam là kí có tính chất áp đặt, ép buộc, còn kí “vớ” Việt Nam là kí trên tinh thần hợp tác. Pháp kí “về” Việt Nam là kí trong tình trạng “ép cung” triều đình nhà Nguyễn. Những từ: “thoát li hẳn”, “xóa bỏ hết”, “xóa bỏ tất cả” đã nhấn mạnh một cách kiên quyết, dứt khoát việc cắt đứt mọi sự dính líu của Pháp tới Việt Nam.

Tiếp theo là sự ràng buộc các nước Đồng Minh vào việc công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam: “Chúng tôi tin rằng các nước Đồng Minh đã công nhận các nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập dân tộc Việt Nam”. Những câu văn khẳng định hoặc phủ định của phủ định có tác dụng mạnh mẽ trong việc buộc các nước Đồng minh phải công nhận và tôn trọng quyền độc lập dân tộc của Việt Nam. Đó là một lẽ tất yếu không thể khác.

Không những thế, để tăng sức thuyết phục, bẻ gãy hoàn toàn luận điệu của Pháp, bản tuyên ngôn nêu lên một thực tế: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự

do! Dân tộc đó phải được độc lập!”. Những câu văn với kết cấu song hành tạo nên một điệp khúc âm vang tạo vừa hào hùng vừa đanh thép thể hiện thể đứng và quyền của dân tộc Việt Nam. Nếu thực dân Pháp có tội phản bội Đồng minh, hai lần bán rẻ Đông Dương cho Nhật thì dân tộc Việt Nam đại diện Đồng minh đứng lên chống Nhật cứu nước và cuối cùng đã giành được chủ quyền từ tay Nhật. Nếu thực dân Pháp bộc lộ tính cách đê hèn, tàn bạo ở hành động thẳng tay “khủng bố Việt minh” thậm chí đến khi thua chạy chúng còn “tàn nhẫn giết chết số đông tù ở Yên Bái và Cao Bằng” thì nhân dân ta vẫn giữ thái độ khoan hồng và nhân đạo “giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên giới”, “cứu cho nhiều người Pháp khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tài sản, tính mạng cho họ”. Đó là truyền thống mà dân tộc ta đã có từ ngày lập nước và Nguyễn Trãi cũng đã từng nói đến trong *Bình Ngô đại cáo*.

Một dân tộc phải chịu biết bao đau khổ dưới ách thực dân tàn bạo. Một dân tộc đã anh dũng chiến đấu cho độc lập, tự do. Một dân tộc luôn nêu cao lá cờ bác ái, nhân đạo, “Dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!” Lời khẳng định hùng hồn như một chân lí bất di bất dịch. Theo Chế Lan Viên: “Hai lần nhấn mạnh chữ “gan góc”, bốn lần nhấn mạnh chữ “dân tộc” và hai câu gần như lặp lại theo mẫu “dân tộc đó phải được...” mang sức nặng như những nhát dao chém đá”.

Tất cả những lời tuyên bố trên là tiền đề về lí luận cũng như tạo không khí để đưa đến cao trào, đó là lời tuyên bố cuối cùng, lời tuyên bố trịnh trọng trước thế giới về ba phương diện của một nước Việt Nam tự do, độc lập:

1. “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập”.
2. “Và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập”.
3. “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Hưởng tự do, độc lập không phải chỉ là một cái quyền phải có, không phải chỉ là một tư cách cần có mà đó là hiện thực. Lời tuyên bố có ý vị như một lời thề bộc lộ ý chí và quyết tâm cao độ của dân tộc Việt Nam. Câu văn kết lại bản tuyên ngôn cũng chính là mở ra một thời kì mới, thời kì đấu tranh “toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh” (Hồ Chí Minh – *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*) để đánh đuổi thực dân Pháp, bảo vệ chủ quyền đất nước.

Tóm lại, phần tuyên ngôn cũng như toàn bộ văn bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh có giá trị nhiều mặt, có ý nghĩa lịch sử sâu sắc, tiên bộ: chấm dứt chế độ phong kiến, đánh đổ xiềng xích thực dân, xây dựng một nước Việt Nam mới, mở ra kỉ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Nội dung tuyên bố đầy đủ, toàn diện, chặt chẽ, dứt khoát. Sức thuyết phục mạnh mẽ chính là ở tài nghệ chính luận của tác giả, nhưng nguồn gốc sâu xa chính là ở tấm lòng yêu nước nồng nàn, ý chí độc lập dân tộc cao cả và khát vọng hòa bình cháy bỏng. Tất cả những điều đó đã trở thành máu thịt, thành lẽ sống trong tâm hồn, tình cảm, suy nghĩ của người viết.

Tuyên ngôn Độc lập nói chung, phần tuyên ngôn nói riêng chính là một bản anh hùng ca của thời đại Hồ Chí Minh. Đó là khát vọng của cả dân tộc. Đó là thành quả đấu tranh trong gần một thế kỉ của cả dân tộc. *Tuyên ngôn Độc lập* được viết bằng máu của hàng triệu người Việt Nam yêu nước đã hi sinh trong cuộc đấu tranh bền bỉ, kiên cường ấy. Tuyên ngôn còn là sự hun đúc của hồn thiêng sông núi, tiếp nối truyền thống Việt Nam, bản lĩnh Việt Nam, ý chí và sức mạnh Việt Nam để từ đây mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc. Thực tế 30 năm chiến tranh gian khổ, bền bỉ, kiên cường, đau thương mà anh dũng của dân tộc ta chống Pháp, chống Mỹ chính là câu trả lời cho ý chí sắt đá mà tuyên ngôn của Bác đã vang lên như một lời thề trong giờ phút thiêng liêng, trọng đại của đất nước.